

Số: /KH-SNN

Hà Nam, ngày tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025
Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/2/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 1357/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 318/SKHĐT-THQH ngày 5/3/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Công văn số 389/SKHĐT-THQH về việc chuẩn bị số liệu các chỉ tiêu kinh tế xã hội phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX;

Sở Nông nghiệp & PTNT lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016-2020

1. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu 05 năm giai đoạn 2016-2020

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã đề ra mục tiêu phát triển nông nghiệp và PTNT Hà Nam giai đoạn 2016 - 2020 với một số chỉ tiêu chính của ngành như sau:

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (*giá SS2010*) tăng bình quân 4%/năm và được điều chỉnh là 2,2%/năm, theo Kết luận 100-KL/TU ngày 6/9/2018 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ lần thứ XIX và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy.

- Đến năm 2020, có 3 huyện và 65 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 30%.

- Đến năm 2020 tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 95% (trong đó sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước sạch tập trung đạt 80%).

1.2. Nhiệm vụ

Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, chuyển dịch mạnh lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, làm nền tảng để phát triển nhanh và bền vững

2. Những kết quả đạt được

Bên cạnh những thuận lợi như đã tổ chức tích tụ, tập trung đất xây dựng mô hình sản xuất lúa, rau củ quả, hoa, cây dược liệu, cây ăn quả tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản sạch¹, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao²... nông nghiệp Hà Nam trong giai đoạn 2016-2020 còn gặp nhiều khó khăn như biến đổi của thời tiết, mưa lớn, lũ lịch sử tháng 10 năm 2017 gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp và đặc biệt là trong sản xuất chăn nuôi lợn, lĩnh vực chính trong chăn nuôi của tỉnh, từ tháng 9/2016, thương lái Trung Quốc ngừng nhập lợn hơi Việt Nam theo đường tiểu ngạch, giá lợn hơi năm 2017, 2018 giảm thấp kỷ lục kéo dài dẫn đến người chăn nuôi hạn chế tái đàn, nhiều hộ dân chăn nuôi bị phá sản; tiếp theo từ cuối tháng 2 đến hết năm 2019 dịch tả lợn châu Phi phát sinh đã gây thiệt hại lớn cho sản xuất mặc dù cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã vào cuộc, triển khai đồng bộ các biện pháp chỉ đạo, ứng phó, khống chế, ngăn chặn dịch bệnh nhằm hạn chế tối đa thiệt hại. Toàn giai đoạn đã đạt được một số kết quả:

- Giá trị sản phẩm thu được trên một ha canh tác tăng từ 101,4 triệu đồng năm 2015 ước đạt 136 triệu đồng năm 2020; an ninh lương thực được đảm bảo.

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá SS2010) tăng bình quân 1,5%/năm³. Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi - thủy sản, năm 2015 ngành chăn nuôi - thủy sản chiếm 50,3% giá trị ngành nông lâm, thủy sản, ước đến năm 2020 chiếm 52,3% giá trị toàn ngành. Giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt - lâm nghiệp, năm 2015 giá trị ngành trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 42,3% giá trị toàn ngành, ước đến năm

¹ Trong đó: Rau, củ quả, hoa và cây dược liệu là 168,9 ha với 53 mô hình. Cây ăn quả là 102,8 ha với 13 mô hình; lúa hàng hóa chất lượng cao là 1.585,9 ha với 95 mô hình. Đến nay trên toàn tỉnh đã có 3 HTX gồm Bảo An, Đức Huy, Liên Hiệp và 1 hộ dân xã Văn Lý liên kết với Công ty VinEco sản xuất 8 ha bắp cải xuất khẩu sang Nhật.... Hộ dân trồng dưa lưới liên kết với Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam.

² Khu Nhân Bình - Xuân Khê 239,96 ha; khu Nhân Khang huyện Lý Nhân 118,37 ha; khu Đồng Du - An Mỹ huyện Bình Lục 121,73 ha; khu Liêm Tiết, TP Phủ Lý 23,76 ha; trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Thanh Nguyên huyện Thanh Liêm của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam với quy mô 4.000 con bò sữa, diện tích 150 ha, dự án đầu tư xây dựng Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao sản xuất giống và sản phẩm hoa, cây cảnh chất lượng cao của Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao Phù Vân tại xã Phù Vân, TP Phủ Lý với quy mô 2,4 ha,

³ Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2015 đạt 7.517,2 tỷ đồng, ước năm 2020 đạt 8.098 tỷ đồng

2020 là 38,7%. Dịch vụ nông nghiệp tăng từ 7,4% vào năm 2015 ước năm 2020 là 9%.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đã có 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 33 xã so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội, đã có 5/6 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, còn huyện Lý Nhân đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện nông thôn mới năm 2019, vượt 3 huyện so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

- Năm 2020 tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội ước đạt 27,5% vượt Nghị quyết Đại hội đề ra.

- Đến năm 2020 tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 96% (*trong đó sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước sạch tập trung đạt 85%, nước sạch theo tiêu chuẩn y tế đạt 65%*), vượt Nghị quyết Đại hội đề ra.

Kết quả cụ thể ở từng lĩnh vực như sau:

2.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Đối với cây lúa: Năm 2019 diện tích gieo cấy lúa cả năm đạt 62.076,8 ha giảm 4.783,7 ha so với năm 2015⁴, ước thực hiện năm 2020 đạt 61.180 ha, giảm 5.680 ha so với năm 2015; song năng suất vẫn duy trì ở mức khá, đạt bình quân 62,0 tạ/ha/vụ năm 2019 và cao nhất từ trước đến nay, sản lượng lúa đạt 384.598,1 tấn; đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh, sản lượng lúa chất lượng cao tăng từ 115.103 tấn năm 2015 lên 144.410 tấn năm 2019 nâng cao được giá trị sản xuất/ha đất canh tác. Cây lúa là sản phẩm chủ lực của tỉnh trước đây cơ cấu chỉ tập trung vào các giống lúa lai có năng suất cao, sản lượng lớn đến nay đã chuyển dịch dần sang các giống lúa chất lượng nhằm nâng cao giá trị thu nhập. Năm 2019 diện tích lúa chất lượng đạt 25.061 ha chiếm 40,4% diện tích, tăng 10,3% so với năm 2015. Hiệu quả kinh tế cao gấp 1,2 - 1,4 lần so với lúa thường.

- Đối với cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả toàn tỉnh trên 5.000 ha, nhưng trong những năm gần đây đã đóng góp rất cao trong thu nhập của người nông dân. Trong đó một số cây ăn quả chủ lực như chuối, nhãn, vải, cây có múi chiếm trên 70% diện tích. Nhiều giống cây ăn quả mới đã được thay thế các giống cũ như giống vải lai U trứng, giống ổi Đài Loan, giống bưởi Diễn, giống táo đại... với diện tích chiếm khoảng 10% diện tích trồng. Trên địa bàn tỉnh đã có nhiều diện tích quy hoạch trồng cây có múi quy mô tập trung với diện tích vùng sản xuất lớn như xã Châu Giang vùng trồng bưởi 75 ha; Vùng Trác Văn trồng ổi tập trung với diện tích 8 ha; vùng trồng Cam xã Chuyên Ngoại 25 ha; khu vực xã Ngọc Sơn huyện Kim Bảng trồng cam, ổi với diện tích trồng tập trung 14,5 ha...

- Cơ cấu cây trồng vụ Đông cũng được thay đổi rõ nét: các cây trồng có giá trị kinh tế cao, có thị trường được mở rộng như: cây bí đỏ, bí xanh, dưa chuột xuất khẩu, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân và nâng cao giá trị trên

⁴ Diện tích gieo cấy lúa năm 2015 là 66.860,5 ha

diện tích canh tác⁵. Toàn tỉnh có 84/98 xã đã tổ chức tích tụ, tập trung đất đai được 1.857,6 ha, với 5.618 hộ, xây dựng được 161 mô hình sản xuất lúa, rau củ quả, hoa, cây dược liệu, cây ăn quả tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản sạch. Đến nay trên toàn tỉnh đã có 3 HTX liên kết với Công ty VinEco sản xuất bắp cải xuất khẩu sang Nhật, có hộ dân trồng dưa lưới liên kết với Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam.

- Các tiến bộ khoa học mới, tiên tiến đã được ứng dụng rộng rãi trên địa bàn tỉnh: Số mô hình cánh đồng mẫu tăng dần hàng năm thông qua triển khai thực hiện đề án xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2013-2020. Năm 2019 thực hiện 153 cánh đồng mẫu với diện tích 3.402,5 ha, trong đó đã ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh 34% sản lượng; tăng 133 mô hình với diện tích 2.501,5 ha so với năm 2015. Nhìn chung, các mô hình triển khai áp dụng được tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, vì vậy tại các mô hình cho năng suất lúa cao hơn so với đại trà từ 5 - 10%, giá trị thu được cao hơn so với đại trà 5 - 15 triệu đồng/ha. Kỹ thuật gieo thẳng lúa bằng công cụ sạ hàng tăng dần qua các năm, năm 2019 đạt 31.270,9 ha tỷ lệ gieo thẳng đạt 50,4%, tăng 21% so với năm 2015. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật này góp phần giải quyết lao động thời vụ, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng bỏ ruộng không cấy hiện nay, năng suất lúa cao hơn so với phương pháp cấy lúa truyền thống từ 8 - 12%; hiệu quả cao hơn từ 7,5 - 8,5 triệu đồng/ha. Bước đầu áp dụng công nghệ phun thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá bằng thiết bị bay không người lái, giúp nâng cao năng suất lao động, khả năng dập dịch nhanh trên diện tích lớn và bảo vệ sức khỏe người nông dân do không cần trực tiếp phun thuốc với tổng diện tích 631 ha⁶. Giai đoạn 2016-2019 tỉnh đã hỗ trợ các địa phương mua 161 máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp. Đến nay, tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa ở khâu làm đất đạt 100%, khâu thu hoạch đạt khoảng 85%; khâu gieo trồng đạt 40% diện tích; khâu bảo quản chế biến ước đạt khoảng 35%.

- *Đề án Ứng dụng một số cây trồng mới chủ yếu theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô tập trung gắn với hợp đồng tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2017-2021*

Năm 2018-2019, đã tổ chức thực hiện 59 mô hình của 33 giống cây trồng mới với tổng diện tích 435 ha. Đến nay bước đầu đã chọn được 08 giống cây trồng mới chủ lực phù hợp (*trong đó 04 giống lúa: LT2, ĐT37, NA6, QP5; 02 giống bí đỏ: Ford 216, Ford 218; 02 giống dưa chuột: Dưa bao tử TIZ G1; Dưa nếp TL 11027*) chỉ đạo nhân rộng ra các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi năm 2020-2021. Đối với những giống cây trồng chỉ đạt tiêu chí về năng suất, chất

⁵ Vụ đông 2015 - 2016 đạt 12.507,6 ha, giá trị sản xuất đạt 620,5 tỷ đồng, chiếm 18,9% tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt, diện tích cây trồng vụ đông 2016 - 2017 đạt 12.603 ha, giá trị sản xuất đạt 600 tỷ đồng, chiếm 17,7% tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt. Diện tích cây trồng vụ đông 2017 - 2018 đạt 8.165,4 ha, bằng 66,7% kế hoạch, nguyên nhân là do ảnh hưởng mưa to, đông làm 8.212 ha cây vụ Đông đã trồng bị thiệt hại nặng, đây là diện tích trồng lại, giá trị sản xuất đạt 375 tỷ đồng, chiếm khoảng 11% tổng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt; vụ Đông 2018-2019 đạt 10.105,3 ha, đạt 87,9% kế hoạch. Vụ Đông 2019-2020 đến nay ước đạt 10.223,2, đạt 92,5% kế hoạch.

⁶ Cụ thể năm 2018 triển khai 56 ha (Duy Tiên: 36 ha, Bình Lục 20 ha); năm 2019 áp dụng công nghệ với tổng diện tích 575 ha (Duy Tiên: 500 ha; Bình Lục 40 ha; Lý Nhân 35 ha).

lượng, nhưng không có doanh nghiệp ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm chi tham mưu trong cơ cấu giống chỉ đạo chung từng mùa vụ sản xuất.

- *Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025:*

Tổng diện tích chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm và trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản: 3.587,5 ha, trong đó: diện tích chuyển sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm 1.499,33 ha của 325 vùng; nuôi trồng thủy sản 2.088,18 ha.

Tiến độ thực hiện kế hoạch: Các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn đã lập xong kế hoạch chuyển đổi của địa phương. Tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm so với yêu cầu, đến nay mới có 364 hộ với diện tích 49,4ha (*huyện Kim Bảng*) hoàn thành các thủ tục chuyển đổi.

- Giá trị sản xuất của ngành trồng trọt (*giá so sánh năm 2010*) giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 0,1%/năm.⁷

2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Chăn nuôi từng bước thể hiện được vị trí quan trọng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của tỉnh và xuất bán sản lượng lớn khoảng 50% trong tổng sản lượng sản xuất sang thị trường Hà Nội và các tỉnh lân cận. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng (*thịt trâu bò, lợn, gia cầm*) tăng nhưng không ổn định, bình quân tăng 2,5%/năm. Cụ thể: năm 2015 đạt 80.135 tấn, năm 2016 đạt trên 93.500 tấn, năm 2017 đạt 90.000 tấn, năm 2018 đạt 89.700 tấn, năm 2019 ước đạt 84.345 tấn, dự kiến năm 2020 đạt 90.500 tấn. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (*giá ss năm 2010*) tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 2,5% /năm⁸.

Chăn nuôi gia cầm phát triển tương đối ổn định và có xu hướng tăng dần năm 2015 tổng đàn là 5,589 triệu con với sản lượng đạt 15.015 tấn đến năm 2020 ước đạt 7,5 triệu con với sản lượng là 23.000 tấn tăng 8,9%/năm.

Chăn nuôi lợn phát triển nhưng không ổn định năm 2015 có 450 nghìn con, đến năm 2016 đạt 718,8 nghìn con, đàn lợn giảm mạnh từ đầu tháng 2 đến hết năm 2019 do tiêu hủy bởi dịch tả lợn châu Phi, đến năm 2020 ước đạt 340 nghìn con giảm 5,5%/năm, tuy nhiên sản lượng thịt lợn hơi vẫn tăng từ 62.992 tấn vào năm 2015 lên 65.000 tấn vào năm 2020.

Chăn nuôi trâu, bò phát triển ổn định năm 2015 số lượng trâu, bò đạt 32.091 con tăng lên 39.780 vào năm 2020 con, bình quân tăng 4,4%/năm; sản lượng thịt trâu, bò đạt 2.128 tấn năm 2015 lên 2.500 tấn vào năm 2020 tăng 3,3%/năm.

Giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh tiếp tục duy trì, nhân rộng các mô hình chăn nuôi theo chuỗi hiện có từ giai đoạn trước như mô hình chăn nuôi lợn gia công tại

⁷ Giá trị sản xuất trồng trọt năm 2015 đạt 3.485,6 tỷ đồng; năm 2020 ước đạt 3.496 tỷ đồng

⁸ Giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2015 đạt 3.000,7 tỷ đồng; năm 2020 ước đạt 3.397 tỷ đồng

17 trại, gà thịt công nghiệp gia công tại 23 trại, với tổng đàn đạt 245,5 nghìn con; duy trì và phát triển nhân rộng mô hình chăn nuôi gà công nghiệp, chăn nuôi vịt công nghiệp gia công cho các doanh nghiệp, chăn nuôi vịt thịt gia công với tổng quy mô trên 30 nghìn con. Dự án lợn giống chất lượng cao của Công ty Dabaco Hà Nam tại xã Nhân Chính huyện Lý Nhân quy mô 3.600 con lợn nái được xây dựng và hoàn thành năm 2016, đã cung ứng đủ nguồn lợn giống chất lượng cao cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Nhà máy giết mổ và chế biến thịt của tập đoàn Masan tại Khu công nghiệp Đồng Văn 4 với công suất giết mổ 1,4 triệu con lợn/năm. Hiện nay công suất giết mổ, chế biến của nhà máy dao động từ 200 - 600 con lợn/ngày. Trong thời gian tới, Công ty Masan dự kiến tiếp tục xây dựng kế hoạch hợp tác liên kết tiêu thụ với các cơ sở chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy sản xuất chăn nuôi lợn của tỉnh ổn định và phát triển.

Công tác kiểm tra, kiểm soát, khống chế, phòng tránh lây lan dịch bệnh gia súc, gia cầm được tiến hành khẩn trương, triệt để. Số ổ dịch các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như tai xanh, cúm gia cầm, lở mồm long móng xuất hiện qua các năm giảm cả về quy mô và mức độ gây hại. Dịch tả lợn châu Phi đã khống chế, ngăn chặn.

- Kết quả thực hiện đề án phát triển chăn nuôi bò sữa giai đoạn 2016-2020

Đàn bò sữa trên địa bàn tỉnh trong những năm qua phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, tuy nhiên tốc độ phát triển chậm nguyên nhân do vốn đầu tư lớn, thiếu nhân lực, thiếu đất đai canh tác, chăn nuôi bò sữa đòi hỏi trình độ cao, khó nuôi và lại rủi ro lớn hơn chăn nuôi các con vật khác, thu hồi vốn đầu tư chậm và kéo dài (*trên 5 năm*) nên ít có hộ đầu tư, giá sữa thu mua không ổn định; chưa thu hút được nhiều Doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi bò sữa tại tỉnh; dự án trang trại bò sữa của Vinamilk tại xã Thanh Nguyên đến nay chưa được Chính phủ chấp thuận thuê đất của dân để trồng cỏ nuôi bò. Đến ngày 10/3/2020 toàn tỉnh có 194 trại bò, chăn nuôi 3.786 con bò sữa (đạt 90,14% KH 2020), bằng 25,24% chỉ tiêu Nghị quyết; sản lượng sữa bán cho các nhà máy là 36,7 tấn/ngày. Phát triển đàn bò sữa tại các doanh nghiệp rất chậm tiến độ do vướng mắc thủ tục chuyển đổi đất đai.

Hiện nay toàn tỉnh còn 12 khu quy hoạch chăn nuôi bò sữa với tổng diện tích quy hoạch là 281,81 ha, quy mô 335 trại bò, nuôi 5.830 con, trong đó: Quy hoạch cho dân là 11 khu, với tổng diện tích 215,41ha, với 327 trại nuôi 5.030 con; 01 khu Quy hoạch của dự án FrieslandCampina Mộc Bắc là 66,4ha, quy mô 8 trại bò nuôi 800 con. Hiện tại có 12/12 khu quy hoạch đã triển khai chăn nuôi bò sữa với tổng số 114/335 trại bò được quy hoạch (*đạt 34%*) và tổng đàn bò đạt 2.778/5.830 con (*đạt 47,65% so với quy hoạch*), diện tích đất đã giao cho các hộ sử dụng là 115,87 ha/281,81 ha quy hoạch, đạt 41,11%. Số trại bò và số bò sữa trong khu quy hoạch đạt tỷ lệ thấp nguyên nhân do việc hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng tại các khu quy hoạch còn chậm, đầu tư chăn nuôi bò sữa cần nguồn vốn lớn, kỹ thuật cao, thị trường sữa tươi không

ổn định cũng là nguyên nhân khó thu hút các hộ tham gia đầu tư tại khu quy hoạch.

- Kết quả thực hiện đề án phát triển chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt chất lượng cao giai đoạn 2017 – 2020

Đàn bò hướng thịt trên địa bàn tỉnh trong những năm qua phát triển ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra, tuy nhiên tốc độ phát triển chậm. Ước quý I năm 2020, tổng đàn bò sinh sản, bò thịt có mặt thường xuyên đạt 27.070 con đạt 84,5% so với kế hoạch, trong đó số bê bò thịt chất lượng cao quý I - 2020 ước đạt 950/4.000 con bằng 23,8% kế hoạch năm 2020.

Toàn tỉnh đã phê duyệt 6 khu chăn nuôi tập trung⁹ với tổng diện tích là 49,32 ha, tổng đàn bò đang nuôi là 385 con. Kết quả phê duyệt quy hoạch và tổ chức chăn nuôi bò hướng thịt tại các khu quy hoạch tập trung chưa đạt kế hoạch đề ra. Do công tác chuyển đổi ruộng đất tại các địa phương gặp nhiều khó khăn; đầu tư chăn nuôi bò cần nguồn vốn lớn, khả năng thu hồi vốn chậm, thị trường bò thịt không ổn định nên việc thu hút doanh nghiệp, hộ dân tham gia đầu tư chăn nuôi bò hướng thịt tại các khu quy hoạch cũng gặp nhiều khó khăn.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, lĩnh vực thủy sản tiếp tục đà tăng mạnh hơn so với các lĩnh vực khác, đóng góp có hiệu quả vào giá trị sản xuất chung của toàn ngành (tăng bình quân 3,7%/năm¹⁰). Nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tăng năng suất, ứng dụng công nghệ mới, nuôi lồng, bè. Bên cạnh đó, đối tượng nuôi tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng đối tượng cá có năng suất, giá trị kinh tế cao như: cá rô phi đơn tính, cá điêu hồng, cá trắm, cá lăng, cá chép... giảm đối tượng cá truyền thống nên sản lượng hàng năm đều tăng, năm 2015 sản lượng thủy sản đạt 22.367 tấn đến năm 2020 ước đạt 25.300 tấn tăng bình quân 2,5%/năm.

- Kết quả thực hiện Đề án Phát triển sản xuất các khu NTTS tập trung

Đến năm 2019, toàn tỉnh có 7 HTX Thủy sản được thành lập mới với tổng diện tích 114 ha, 105 hộ tham gia; Dự kiến năm 2020 thành lập mới 2 HTX tại các xã Thanh Hải huyện Thanh Liêm và Kim Bình, TP Phủ Lý với tổng diện tích khoảng 35 ha, 40 hộ tham gia. Như vậy, hết năm 2020, toàn tỉnh có 9 HTX Thủy sản được thành lập mới với tổng diện tích 149 ha, 145 hộ tham gia.

- Kết quả thực hiện Đề án xây dựng mô hình điểm nuôi cá ứng dụng công nghệ “Sông trong ao” sản xuất theo chuỗi liên kết năm 2018-2019

Đến hết năm 2019 toàn tỉnh đã xây dựng được 9 mô hình, với tổng số 23 bể nuôi. Năng suất bình quân đạt 15 -20 tấn/bể, tương đương 30-40 tấn/ha, gấp 5-7 lần so với nuôi truyền thống. Dự kiến năm 2020, tiếp tục triển khai xây dựng 16

⁹ Xã La Sơn, Vũ Bản, An Đổ và Đồn Xá huyện Bình Lục; xã Nhân Đạo huyện Lý Nhân; xã Tượng Lĩnh huyện Kim Bảng

¹⁰ Giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2015 đạt 659,3 tỷ đồng đến năm 2020 ước đạt 790 tỷ đồng

mô hình, nâng tổng số mô hình nuôi cá “Sông trong ao” toàn tỉnh là 25 mô hình, với khoảng 55 bể nuôi; tổng sản lượng dự kiến đạt khoảng 900 - 1.000 tấn/cá/vụ nuôi.

2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Làm tốt công tác bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng cây phân tán, tuần tra, phát hiện, xử lý những vi phạm chặt phá rừng, buôn bán gỗ, động vật hoang dã trái phép.

Giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh đã triển khai bảo vệ rừng đạt 13.366,64 lượt ha; khoanh nuôi tái sinh đạt 1.407,74 lượt ha; trồng cây nhân dân đạt 1,69 triệu cây;

- Phối hợp với Tổ chức FFI thực hiện tốt công tác tuyên truyền, cảnh báo và truy quét đối tượng săn bắt động vật hoang dã, bảo vệ rừng; Xây dựng đề án thành lập khu bảo tồn Voọc mông trắng tại huyện Kim Bảng.

- Công tác phòng cháy rừng được chỉ đạo tích cực, nguy cơ cháy rừng được cảnh báo thường xuyên nên trong giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh chưa có vụ cháy rừng lớn nào xảy ra.

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng: Tiếp tục triển khai thực hiện bảo vệ rừng là 2.647,98 ha, diện tích được khoanh nuôi tái sinh là 287,12 ha, hàng năm trồng mới khoảng 300 nghìn cây phân tán. Tính đến hết năm 2019 tỷ lệ che phủ rừng là 6,22%.

Giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (giá ss năm 2010) tăng bình quân 1%/năm¹¹

2.5. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ đến nay trên địa bàn tỉnh có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, có 5/6 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Lý Nhân đã hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí, hiện nay đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện nông thôn mới năm 2019. Diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn ngày một thu hẹp, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp, từng bước phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.. Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016-2019 đã huy động được khoảng 7.119 tỷ đồng. Đến nay đã hoàn thành 1.900 km đường giao thông thôn, xóm; 500 km đường trục xã; hỗ trợ đá cấp phối để cứng hóa trên 1.000 km đường trục chính nội đồng; kiên cố hóa 100 km kênh mương... Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh năm 2020 ước đạt

¹¹ Giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (giá ss năm 2010) năm 2015 đạt 14,3 tỷ đồng, ước năm 2020 đạt 15 tỷ đồng

96%. Đến hết năm 2019 thu nhập người dân nông thôn bình quân đầu người đạt 46 triệu đồng/người/năm, đến năm 2020 đạt mục tiêu 52 triệu đồng/người/năm, tăng 23,5 triệu đồng so với năm 2015¹². Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, thành lập thêm 55 HTX kiểu mới ít thành viên hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chương trình liên kết, mô hình liên kết thông qua hợp đồng kinh tế đã cung cấp hàng tháng khoảng 100-200 tấn rau củ quả ra thị trường¹³. Triển khai xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp sạch Hà Nam, đến nay có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu nổi tiếng và chỉ dẫn địa lý như: *Chuối ngự Đại Hoàng, cá kho Nhân Hậu, gà móng Tiên Phong, bánh đa nem làng Châu, Rượu Vọc, Nấm đông trùng hạ thảo Minh Đức, lụa Nha Xá, trồng Đọi Tam và na Ba Sao...*

Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động năm 2019 là 28,6% giảm 18% so với năm 2015¹⁴; dự kiến đến năm 2020 tỷ lệ lao động nông nghiệp còn 27,5%, đạt mục tiêu của Nghị quyết.

- *Kết quả thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (OCOP)*

Năm 2019, UBND tỉnh đã công nhận 18 sản phẩm đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP cấp tỉnh (*trong đó có 8 sản phẩm đạt hạng 4 sao¹⁵, 10 sản phẩm đạt hạng 3 sao¹⁶*). Dự kiến năm 2020 các huyện, thị xã, thành phố đăng ký khoảng 20 ý tưởng sản phẩm để đánh giá, xếp hạng và có khoảng 12 sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP.

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Những tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đã đạt được một số kết quả, song trong nhiệm kỳ qua, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng chậm, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 1,5%/năm; Giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích canh tác là 136 triệu đồng/ha/năm, không đạt so với mục tiêu Nghị quyết.

¹²Thu nhập người dân nông thôn năm 2015 là 28,5 triệu đồng/người/năm

¹³HTX nông sản sạch Bảo An cung cấp sản lượng hàng tháng từ 15-20 tấn rau gia vị, rau ăn lá các loại cho hệ thống siêu thị Vinmart; HTX DV Đức Huy cung cấp cho Công ty Hằng Anh, bếp ăn, trường học sản lượng hàng tháng từ 50-60 tấn rau củ quả các loại; HTX nông sản an toàn Liên Hiệp cung cấp sản lượng hàng tháng từ 15-20 tấn rau củ quả các loại cho các cửa hàng rau sạch, bếp ăn tập thể, HTX rau Hữu cơ Trác Văn; Nông trại Happy Farm Trác Văn cung cấp sản lượng hàng tháng từ 10-12 tấn rau củ quả các loại cho các cửa hàng Bác Tôm, Greenfood... Ngoài ra các địa phương đã liên kết sản xuất lúa giống chất lượng cao với Vina Seed, Tập đoàn Bảo Minh diện tích trên 200 ha, sản lượng trên 1.000 tấn...

¹⁴Tỷ lệ lao động nông nghiệp trên tổng lao động năm 2015 là 46,6%

¹⁵ Hạng 4 sao: Khay tròn mây đan ; Sữa tươi thanh trung Hanamilk; Rượu Vọc; Rượu nếp cái hoa vàng; Sữa chua Hanamilk; Sữa chua nếp cẩm Hanamilk; Sữa tươi thanh trùng Mộc Đồng; Sữa chua Mộc Đồng

¹⁶ Hạng 3 sao: Bánh tráng chùm ngây Morice; Phở chùm ngây Morice; Bún chùm ngây Morice; Bánh đa nem làng Châu; Miến chùm ngây Morice; Rượu Đức Toàn; Bình rượu rồng phương Phú Thóa; Cá kho Nhân Hậu; Rượu nếp Cường Hạnh; Rượu nếp Hợp Lý.

- Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp ở một vài địa phương chưa đồng bộ; vốn đầu tư ban đầu lớn, lợi nhuận thấp, rủi ro cao nên việc thu hút các nhà đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp rất nhiều khó khăn.

- Trong quá trình chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được giao các chương trình, đề án, một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt. Do đó, việc triển khai một số chương trình, đề án còn chậm, chất lượng chưa cao.

- Các HTX dịch vụ nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012 nhưng chậm thích ứng với nền kinh tế thị trường, chưa làm đủ, làm tốt dịch vụ phục vụ phát triển sản xuất của hộ nông dân, nhất là trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; số HTX kiểu mới mô hình HTX ít xã viên hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế (giai đoạn 2016 đến nay thành lập được 55 HTX kiểu mới).

- Nguồn lực thực hiện các chương trình dự án, đặc biệt là kinh phí đầu tư cho xây dựng các mô hình sản xuất còn hạn hẹp, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn rất ít.

3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

a. Nguyên nhân khách quan:

- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên, rủi ro cao. Cụ thể: tháng 10 năm 2017 ảnh hưởng của mưa lũ lịch sử, làm sản xuất nông nghiệp thiệt hại nặng nề; dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm ngày một diễn biến phức tạp, như dịch tả lợn Châu Phi, đến nay ước tính thiệt hại trên 500 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

- Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh quy hoạch phần lớn trên diện tích đất 2 vụ lúa nên cốt đất thấp, hệ thống tưới tiêu chưa phù hợp với trồng rau củ quả. Điển hình là khu Đồng Du, An Mỹ, hiện nay chưa có doanh nghiệp vào đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Cơ chế về tích tụ ruộng đất của tỉnh một số nội dung chưa có trong quy định của Luật Đất đai.

- Ruộng đất manh mún nhỏ lẻ, hạ tầng chưa đồng bộ nên việc áp dụng tiến bộ KHKT, cơ giới hóa còn hạn chế. Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh ngày một xuống cấp, khả năng phục vụ tưới, tiêu giảm. Kinh phí để đầu tư nâng cấp, tu bổ các công trình trọng điểm còn thiếu. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp với vốn đầu tư ban đầu lớn, lợi nhuận sinh ra trong quá trình sản xuất thấp và rủi ro cao do ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai nên các nhà đầu tư vào nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn băn khoăn do dự.

- Việc thúc đẩy chăn nuôi, đặc biệt là những con nuôi chủ lực như đàn lợn, đàn bò sinh sản, bò thịt chất lượng cao gặp rất nhiều khó khăn do giá thịt lợn hơi xuất chuồng xuống thấp đến mức kỷ lục trong giai đoạn 2016-2018, sau đó chăn nuôi lợn bị ảnh hưởng nghiêm trọng do dịch tả lợn Châu Phi. Giá bò hơi giảm so

với năm 2016 từ 20.000-30.000 đồng/kg đã ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện đề án phát triển chăn nuôi bò thịt bò sinh sản chất lượng cao.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác dự báo của cơ quan chuyên môn có mặt chưa sát tình hình, một số chỉ tiêu nhiệm vụ đặt ra thiếu điều kiện đảm bảo có tính khả thi, chưa xuất phát từ nhu cầu thị trường; trước những biến động do khách quan ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất thì phản ứng chậm, thiếu linh hoạt. Trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (nông dân nuôi bò sữa - nhà máy chế biến sữa trên địa bàn) đặt kỳ vọng quá lớn vào doanh nghiệp chế biến trong khi không có điều kiện ràng buộc.

- Sự phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện giữa các cấp các ngành đôi khi chưa chặt chẽ và đồng bộ.

- Một số địa phương không kiên quyết chỉ đạo thời vụ đối với cây vụ Đông ưa ẩm như ngô, bí xanh, bí đỏ... gieo trồng muộn dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả sản xuất không cao.

- Việc phát triển chăn nuôi bò sữa chậm do các nguyên nhân như: việc lựa chọn hộ chăn nuôi do chăn nuôi bò sữa cần nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn để mua giống, xây dựng chuồng trại. Bên cạnh đó, việc phát triển đàn bò sữa chậm một phần do giá sữa có thời điểm không ổn định.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS) còn hạn chế, cơ sở hạ tầng phục vụ NTTS chưa đảm bảo yêu cầu; diện tích NTTS còn manh mún, nhỏ lẻ; ý thức của một bộ phận người NTTS còn hạn chế, còn tư tưởng trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước, chưa tích cực đầu tư, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chưa có ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi chặt chẽ trong NTTS; chính quyền một số địa phương chưa quan tâm đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, hướng dẫn người dân trong việc tích tụ ruộng đất để NTTS.

- Việc tích tụ ruộng đất tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn chậm. Khu Liêm Tiết sau khi cho thuê đất phải thu hồi do doanh nghiệp không có khả năng đầu tư sản xuất. Mặc dù một số khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được doanh nghiệp đầu tư sản xuất, tuy nhiên mới đảm nhận chức năng chính là sản xuất ra các sản phẩm rau, củ quả sạch, khảo nghiệm trình diễn một số giống mới, chưa tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ, khuyến khích, hấp dẫn đối với người nông dân trong việc thay đổi tập quán sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, mặc dù giá trị sản xuất trên ha canh tác cao, ước đạt từ 1.200 - 4.500 triệu đồng/ha/năm, tuy nhiên diện tích thực tế sản xuất tại khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện tại trên 200 ha, chiếm tỷ lệ thấp so với tổng diện tích đất giành sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, chưa góp phần thúc đẩy tăng mạnh giá trị sản xuất ngành trồng trọt trên tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản.

- Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa phá vỡ quy hoạch nông nghiệp, làm giảm diện tích đất nông nghiệp, chia rẽ hệ thống công trình thủy lợi ảnh

hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp; lao động trong khu vực nông nghiệp tập trung sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ nên không quan tâm, mặn mà với sản xuất nông nghiệp, thậm chí bỏ ruộng hoang không canh tác.

- Nguồn kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực nông thôn thường tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, ngân sách tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư, nên một số các công trình hạ tầng nông thôn chưa được đầu tư nâng cấp đảm bảo yêu cầu, đặc biệt là các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.

4. Bài học kinh nghiệm

- Trước việc mới, việc khó như tích tụ ruộng đất, cần phải kết hợp giữa vừa nghiên cứu thực tiễn, đồng thời tranh thủ ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý của các cơ quan Trung ương trong chỉ đạo tích tụ ruộng đất và cho doanh nghiệp thuê lại để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Cần có sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị để triển khai chủ trương và bàn cách thức, biện pháp thực hiện, huyện xã đến thôn xóm vào cuộc trực tiếp tích tụ, các Sở, ngành bám sát, tháo gỡ kịp thời khó khăn phát sinh; phát huy dân chủ trên tinh thần: người dân được biết, được bàn thảo luận thấu đáo để thấy rõ quyền và nghĩa vụ khi cho doanh nghiệp thuê đất. Đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát cơ sở, tháo gỡ những khó khăn nảy sinh từ cơ sở. Đặt lợi ích của người dân lên trên hết, biết tôn trọng nguyện vọng chính đáng của người nông dân, kiên trì vận động, thuyết phục người có đất, giải quyết tốt quyền lợi của người dân từ đó tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện tích tụ ruộng đất.

- Phát huy vai trò chủ thể của người dân, chú trọng công tác tuyên truyền, vận động; việc huy động đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch; lựa chọn những nội dung công việc phù hợp với điều kiện và khả năng của nhân dân từng xã để làm trước, làm điểm tạo tiền đề thuận lợi cho các bước tiếp theo. Đặc biệt quan tâm hỗ trợ phát triển sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết với doanh nghiệp, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền; sự tham gia tích cực, vào cuộc và phối hợp chặt chẽ của các Ban, ngành, đoàn thể của cả hệ thống chính trị. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể, rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, dễ hiểu, dễ làm là yếu tố quyết định sự thành công.

- Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc đến cơ sở, thôn, xóm để phát hiện những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ kịp thời.

- Trong quá trình triển khai cần thực hiện lồng ghép có hiệu quả và đồng bộ các chương trình, dự án kết hợp giữa phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật

chất và tinh thần của người dân với quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa xã hội và môi trường theo quy hoạch và xây dựng nông thôn mới.

- Công tác xây dựng số liệu kế hoạch cần phải thực hiện tốt hơn, như tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản cho sát thực tế.

- Sản xuất nông nghiệp hàng hóa cần gắn vùng sản xuất nguyên liệu tập trung với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Với yêu cầu của sản xuất hàng hóa, đòi hỏi cần có số lượng sản phẩm lớn và chất lượng đồng đều. Do đó, sản xuất nông nghiệp cần tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu phát triển

Trong giai đoạn tới, Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn sẽ tiếp tục mục tiêu thực hiện phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản toàn diện, hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế địa phương. Tăng cường áp dụng công nghệ cao trong sản xuất để giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm. Nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề cho khu vực nông thôn. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho phát triển doanh nghiệp nông nghiệp; duy trì, củng cố và nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả theo các ngành hàng, nhóm sản phẩm chủ lực của địa phương; giúp sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định bền vững, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân nông thôn.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể:

2.1 Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) tăng bình quân 2,0 %/năm.

2.2. Đến năm 2025 có 20 xã đạt chuẩn xã **nông thôn mới nâng cao** và nông thôn mới kiểu mẫu.

2.3. Cơ cấu nội bộ ngành (*theo giá hiện hành*): Trồng trọt - lâm nghiệp: 35%; Chăn nuôi - thủy sản: 55%; dịch vụ nông nghiệp: 10%.

2.4. Giá trị sản phẩm/đơn vị canh tác đến năm 2025 đạt 150 triệu đồng/ha/năm.

2.5. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó sử dụng nước sạch từ các nhà máy cấp nước tập trung là 90%.

2.6. Cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 90%, khâu gieo trồng đạt 60%; bảo quản chế biến đạt 50%.

2.7. Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 20%.

3. Kế hoạch thực hiện các mục tiêu

3.1. Kế hoạch phát triển sản xuất

3.1.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Định hướng phát triển:

Dự kiến trong giai đoạn 2021 -2025, tiếp tục phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến sâu và bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại, giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Duy trì, sử dụng linh hoạt diện tích trồng lúa để vừa đảm bảo an ninh lương thực vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân.

- Kế hoạch phát triển các loại cây trồng đến năm 2025:

+ Diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 54.000 ha, trong đó diện tích lúa chất lượng cao chiếm 55%, năng suất khoảng 60,03 tạ/ha, góp phần trọng yếu trong đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh (diện tích giảm 7.000 ha, bằng 88,26% so với năm 2020).

+ Đối với cây ngô: Phát triển trồng ngô trên đất bãi và ngô vụ Đông trên đất 2 lúa, chú trọng phát triển sản xuất theo hướng sản xuất ngô sinh khối chế biến làm thức ăn xanh cho chăn nuôi, ngô tẻ lấy hạt, ngô nếp bán bắp tươi. Diện tích ngô cả năm trên 6.000 ha.

+ Đối với cây rau màu: Phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng CNC sản xuất rau, củ, quả; Đẩy mạnh tích tụ ruộng đất hình thành các tổ hợp tác, HTX chuyên sản xuất rau an toàn làm vệ tinh cho các doanh nghiệp liên kết thu mua sản phẩm; Chú trọng phát triển các vùng chuyên canh sản xuất một số loại cây rau củ, quả hàng hóa chủ lực gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm như: dưa chuột, bầu bí, rau ăn lá. Đi đôi với phát triển quy mô sản xuất, sẽ đẩy nhanh quá trình xây dựng thương hiệu cho các vùng sản xuất rau an toàn nhằm nâng cao giá trị và tính cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ. Xây dựng các vùng rau chuyên canh sản xuất theo hướng nông sản an toàn VietGAP, GlobalGAP đáp ứng nhu cầu hiện nay và tiến tới xuất khẩu. Cơ cấu cây trồng chú trọng phát triển theo hướng kết hợp cả về quy mô rau vùng chuyên canh và rau thời vụ, đa dạng về chủng loại sản phẩm gồm cả rau ăn lá, tăng diện tích các loại rau ăn củ, quả, rau gia vị. Bên cạnh các loại rau truyền thống, đẩy mạnh công tác du nhập, thử nghiệm và phát triển sản xuất các sản phẩm rau cao cấp nhằm đáp ứng thị trường đa dạng của tỉnh, phát huy lợi thế cạnh tranh và nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất. Diện tích sản xuất rau phần đầu đến năm 2025 đạt 9.800 ha (tăng 900 ha, bằng 110% so với ước thực hiện năm 2020), với sản lượng 171.000 tấn.

+ Đối với cây hoa, cây cảnh: Ngoài việc duy trì diện tích trồng hoa hiện tại ở các địa phương để cung cấp nhu cầu hoa tại chỗ, cần tập trung đầu tư sản xuất hoa theo hướng CNC cho những địa phương đã có nghề trồng hoa lâu đời và có hiệu quả kinh tế cao để phát triển các loại hoa, cây cảnh cao cấp gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm như: Xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý; xã Mộc Nam, Mộc Bắc, huyện Duy Tiên; xã Bình Nghĩa, Vụ Bản huyện Bình Lục; xã Thụy Lôi, Ba Sao, huyện Kim Bảng; xã Liêm Cần, Liêm Phong huyện Thanh Liêm. Diện tích trồng hoa, cây cảnh dự kiến khoảng 260 ha.

+ Đối với cây ăn quả: Phát triển những vùng sản xuất cây ăn quả tập trung chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa đạt cả về năng suất và giá trị, đặc biệt những vùng quy hoạch chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn quả. Xây dựng thương hiệu cho một số vùng sản xuất cây ăn quả chủ lực của tỉnh như: chuối, vải, nhãn, bưởi, ổi. Diện tích cây ăn quả phần đầu đến năm 2025 đạt khoảng 6.300 ha (tăng khoảng 1.000 ha, bằng 118,8% so với ước thực hiện năm 2020), với sản lượng khoảng 75.000 tấn.

- Giá trị sản xuất ngành trồng trọt dự kiến tăng bình quân 0,5%/năm.

3.1.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Định hướng phát triển:

Khai thác có hiệu quả các vùng chăn nuôi tập trung hiện có, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại ngoài khu dân cư theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi theo chuỗi khép kín từ khâu sản xuất con giống, thức ăn, chăm sóc nuôi dưỡng đến giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp phát triển chăn nuôi theo hình thức tập trung công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng cường hơn nữa mối liên kết tiêu thụ sản phẩm, chăn nuôi gia công tại các tỉnh, thành; xây dựng thương hiệu uy tín cho thị trường trong tỉnh. Đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi.

- Kế hoạch phát triển đàn vật nuôi đến năm 2025:

+ Quy mô đàn: Phát triển đàn gia súc lớn, bao gồm trâu 3.400 con (giảm 180 con, bằng 94,9% so với ước thực hiện năm 2020), bò 39.000 con (tăng 2.800 con, bằng 107,7 % so với ước thực hiện năm 2020); khôi phục và phát triển đàn lợn lên 400.000 con (tăng 60.000 con, bằng 117,6% so với năm 2020); đàn gia cầm phát triển đạt 8,3 triệu con (tăng 800 nghìn con bằng 110,6% năm 2020).

+ Sản lượng thịt hơi các loại đạt 97.000 tấn/năm; sản lượng sữa tươi đạt khoảng 17.000 tấn/năm; sản lượng trứng gia cầm khoảng 332 triệu quả.

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi dự kiến tăng bình quân 2,9%/năm.

3.1.3. Lĩnh vực thủy sản

- Định hướng phát triển:

Tiếp tục mở rộng và phát triển các vùng nuôi cá thâm canh, vùng nuôi cá tập trung, an toàn dịch bệnh, mô hình nuôi cá công nghệ sông trong ao, khai thác

có hiệu quả các lồng nuôi. Giám sát và quản lý tốt dịch bệnh thủy sản, môi trường vùng nuôi, chất lượng con giống và thức ăn thủy sản. Tiếp tục đẩy mạnh khuyến khích, hỗ trợ đầu tư áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao vào sản xuất, đa dạng hơn nữa đối tượng nuôi. Xây dựng và phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết tiêu thụ. Duy trì tăng trưởng ổn định, hiệu quả, bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thủy sản.

- Kế hoạch phát triển:

+ Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 5.500 – 6.000 ha; số lồng bè trên sông Hồng đạt khoảng 700 lồng.

+ Tổng sản lượng khoảng 26.500 tấn, tăng 1.200 tấn, bằng 104,7% so với năm 2020.

- Giá trị sản xuất ngành thủy sản dự kiến tăng bình quân 2,9%/năm.

3.1.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Định hướng phát triển:

Duy trì ổn định diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có; giữ độ che phủ rừng ở mức 6,0%.

Tiếp tục thực hiện công tác nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2025; đồng thời tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng và đất lâm nghiệp. Đẩy mạnh trồng cây phân tán trong nhân dân nhằm nâng cao độ che phủ của rừng, góp phần điều hoà khí hậu và cải thiện cảnh quan môi trường.

- Kế hoạch phát triển:

Trồng rừng thay thế mỗi năm khoảng từ 50-70 ha; chăm sóc 574,9 lượt ha rừng và bảo vệ 2.935,1 lượt ha rừng; trồng 300 nghìn cây phân tán/năm.

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp dự kiến tăng bình quân 0,7%/năm.

3.2. Phát triển hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tiếp tục đầu tư theo hướng đa chức năng để phục vụ cho trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, cho cung cấp nước sạch tập trung nông thôn, tiêu thoát nước cho dân sinh và các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ thương mại; tập trung vốn đầu tư cho công trình thủy lợi đầu mối, các dự án trọng điểm, hệ thống công trình tưới, tiêu (nâng cấp, cải tạo và xây mới các công trình tạo nguồn, trạm bơm; cải tạo, nạo vét các kênh tưới, tiêu...); hỗ trợ về công nghệ, dịch vụ tư vấn về các phương pháp tưới tiết kiệm nước; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Áp dụng nhiều hơn nữa các giải pháp tưới tiết kiệm nước cho các loại cây trồng. Đầu tư cho thủy lợi gắn kết với hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tại các địa phương có diện tích mặt nước lớn, tập trung.

- Cùng cố nâng cấp các tuyến đê nhằm đảm bảo an toàn chống lũ thiết kế và phân đầu chống lũ cao hơn; kết hợp hệ thống đê sông với đường giao thông. Huy

động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm, xung yếu, xử lý các sự cố, đảm bảo an toàn cho các công trình phòng chống thiên tai.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phối kết hợp các ngành, địa phương trong việc giải quyết dứt điểm các tồn tại cũng như không phát sinh mới các vụ vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

- Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện để sẵn sàng ứng phó trước mùa mưa bão. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về khai thác bảo vệ công trình thủy lợi, hệ thống đê điều.

3.3. Kế hoạch phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

3.3.1. Chương trình nông thôn mới

- Trong giai đoạn 2021-2025, các xã tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo hướng xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Phần đầu đến năm 2025 có 01 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu; có 20 xã được công nhận xã đạt chuẩn **nông thôn mới nâng cao** và nông thôn mới kiểu mẫu. Các xã còn lại triển khai đồng bộ nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới đảm bảo phát triển bền vững, phần đầu đạt từ 7/13 chỉ tiêu xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm: Hàng năm, mỗi huyện, thị xã, thành phố có thêm từ 1-2 sản phẩm OCOP mới. Phát triển mới mỗi năm ít nhất 10 tổ chức kinh tế (*Tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa*) và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP. Hướng dẫn và đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Hà Nam; thành lập 10-12 HTX kiểu mới có liên kết chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tiếp tục triển khai Chương trình mỗi xã, một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh. Lựa chọn, xây dựng các sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn; tìm kiếm, lựa chọn điểm bán hàng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; xây dựng và phát triển mô hình làng văn hóa du lịch.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại; kinh tế hợp tác, tập trung chuyên đổi hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã, đào tạo cán bộ quản lý nông nghiệp về HTX, hỗ trợ các địa phương xây dựng mô hình HTX, đẩy mạnh hợp tác về phát triển HTX.

3.3.2. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý vận hành các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh tiến tới công tác dịch vụ chuyên nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đồng thời tăng cường công tác thông tin - giáo dục - truyền thông làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân đối với việc sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường. Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, công nhân vận hành và tìm kiếm những giải pháp công nghệ kỹ thuật cấp nước phù hợp, hiệu quả khi có yêu cầu nâng cấp, mở rộng các

công trình cấp nước hiện có, từng bước chuyển đổi nguồn nước đầu vào từ sông Hồng theo quy hoạch cấp nước vùng tỉnh để nâng cao chất lượng nước.

4. Đề xuất và kiến nghị

1. Tiếp tục thực hiện các đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt: Đề án phát triển chăn nuôi bò sinh sản, bò hướng thịt chất lượng cao; Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa; Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Nam giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025....

2. Đề nghị UBND tỉnh cho phép triển khai và phê duyệt một số đề án:

2.1. Đề án phát triển tổ dịch vụ mạ khay máy cấy;

2.2. Đề án phát triển đàn lợn nái áp dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo phục vụ nhiệm vụ tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh;

2.3. Đề án xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa.

2.4. Đề án Phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

2.5. Đề án cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

2.6. Dự án xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ bền vững theo chuỗi tại Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

2.7. Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030

2.8. Đề án Phát triển chăn nuôi gia cầm theo chuỗi liên kết sản xuất.

2.9. Đề án Xây dựng mô hình liên kết sản xuất nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

2.10. Đề án đấu thầu thí điểm dịch vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi lưu vực trạm bơm Bùi 1, Bùi 2 và trạm bơm Hoàn Uyển huyện Duy Tiên.

2.11. Chương trình phát triển chăn nuôi lợn theo hình thức liên kết với doanh nghiệp giết mổ, chế biến tiêu thụ sản phẩm

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT; KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Tiến

